

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 18/7/ 2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLPT-HN, ngày 11 tháng 4 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2017/QĐPT-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thiên T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số nhà 322, Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số nhà 322, Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Thiên T trình bày:

Bà Trương Thị Thiên T và ông Trần Minh B kết hôn tự nguyện năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đến tháng 02/2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống khó khăn bà T có ý định đi làm nhưng ông B không đồng ý, khi đó bà vừa sinh con được 13 tháng nên bà để con ở nhà cho ông B và mẹ chồng chăm sóc để bà T đi làm. Từ đó, mâu thuẫn giữa bà T và mẹ chồng thêm gay gắt và ông B không còn quan tâm lo lắng cho vợ con. Trước đây, bà T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện G nhưng vì thương con và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn khởi kiện nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên bà T và ông B đã ly thân từ 10/2016. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà T và ông B có một con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 18/8/2015 hiện nay đang sống chung với ông B. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông B có tài sản chung là 06 chỉ vàng cưới 24K, gồm: Một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, một dây chuyền 03 chỉ vàng 24K, một lắc đeo tay 02 chỉ vàng 24K, hiện tại số tài sản chung này ông B đang giữ. Bà yêu cầu chia đôi toàn bộ tài sản chung nêu trên.

- Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Minh B trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc; từ ngày 20/10/2016 thì mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T muốn đi làm nhưng ông không đồng ý. Sau đó, giữa bà T và mẹ ruột của ông có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, bất hòa với nhau. Bà T có thái độ không tôn trọng mẹ chồng nên dần dần vợ chồng không còn hạnh phúc như trước, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Ông và bà T đã ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà T vì con chung của ông bà còn nhỏ, nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của con, ông yêu

cầu Tòa án cho ông cơ hội để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm và cùng chăm lo cho con.

- Về con chung: Ông B và bà T có một con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 18/8/2015, hiện đang sống chung với ông. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về số vàng cưới là 06 chỉ vàng 24K gồm: Một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, một dây chuyền 03 chỉ vàng 24K, một lắc đeo tay 02 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, hiện nay ông chỉ còn giữ ba chỉ vàng 24K gồm: Một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, một lắc đeo tay 02 chỉ vàng 24K; còn sợi dây chuyền ba chỉ vàng 24K ông đã bán để trả nợ sau đám cưới, việc bán sợi dây chuyền này có sự đồng ý của bà T và bà T có cùng với ông đi đến tiệm vàng để bán. Số vàng còn lại là ba chỉ vàng 24K ông thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng nhưng ông không đồng ý chia cho bà T.

- Về nợ chung: không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định như sau:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Thiên T, cụ thể: Bà Trương Thị Thiên T ly hôn với ông Nguyễn Minh B.

Về con chung: Bà Trương Thị Thiên T được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 18/8/2015. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Minh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Trương Thị Thiên T, buộc ông Nguyễn Minh B hoàn lại cho bà Trương Thị Thiên T 1,5 chỉ vàng 24K.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Thiên T đối với yêu cầu chia 1,5 chỉ vàng 24K (của sợi dây chuyền đã bán).

Về nợ chung: Bà Trương Thị Thiên T và ông Nguyễn Minh B đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí; quyền kháng cáo bản án và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/3/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bà T được quyền nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia B1 sau khi ly hôn với ông B. Tuy nhiên, hiện tại cháu B1 đang sống chung với ông B nhưng Tòa án không buộc ông B phải giao cháu B1 cho bà T nuôi dưỡng là chưa giải quyết toàn diện vụ án, không đảm bảo thi hành án về sau. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông B phải có nghĩa vụ giao cháu B1 cho bà T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trương Thị Thiên T đồng ý với nội dung Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Bị đơn ông Nguyễn Minh B trình bày: Theo nội dung bản án bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện G thì bà T là người được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và ông phải có nghĩa vụ giao con chung cho bà T nuôi dưỡng nhưng do hiện tại cháu B1 đang sinh sống cùng ông nên ông không đồng ý giao cháu B1 cho bà T nuôi dưỡng.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời, đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số: 01/QĐKNPT-P9 ngày 20/3/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Minh B cho rằng theo nội dung bản án sơ thẩm thì bà T là người được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia B1 sau khi ly hôn và ông phải có nghĩa vụ giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Tại bản án bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định bà Trương Thị Thiên T được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia B1 như vậy ông B phải có nghĩa vụ giao cháu B1 cho bà T.

[2] Theo đó, căn cứ vào Thông tư liên tịch Số: 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC của Bộ Tư Pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ngày 01/8/2016; Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung quy định về

nghĩa vụ của ông Nguyễn Minh B phải giao con chung là cháu Nguyễn Gia B1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị sửa bản án sơ thẩm là không cần thiết.

[3] Những quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Từ những nhận định trên, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí là 456.500 đồng (bốn trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Minh B phải chịu án phí là 256.500 đồng (hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Không phải nộp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre

Tuyên xử:

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 18/8/2015 cho bà Trương Thị Thiên T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Minh B phải có nghĩa vụ giao con chung là Nguyễn Gia B1, sinh ngày 18/8/2015 cho bà Trương Thị Thiên T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Trương Thị Thiên T không yêu cầu ông Nguyễn Minh B cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Minh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Thiên T phải chịu là 456.500 đồng (bốn trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 462.500 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số tương ứng 0016969 ngày 12 tháng 12 năm 2016 và 0016995 ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Hoàn lại cho bà T số tiền 6.000 đồng (sáu nghìn đồng).

Ông Nguyễn Minh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 256.500 đồng (hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Không phải nộp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Hương

**Thẩm phán
tòa**

Thẩm phán

Chủ tọa phiên

Hồ Thị Thanh Thúy

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng

